



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

28.01.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

HỢ VINCOM TIẾP TỤC NHẤN CHÌM CHỈ SỐ

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	373
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	140
Số cổ phiếu giảm giá	172
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	61

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	218
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	71
Số cổ phiếu giảm giá	87
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	60

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	344
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	140
Số cổ phiếu giảm giá	118
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	86

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	186,387.54	227,890.95	(41,503.41)
% KL toàn thị trường	17.80%	21.77%	
Giá trị	6,504,633	8,281,808	(1,777,175)
% GT toàn thị trường	18.81%	23.95%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	4,158.40	4,777.88	(619.49)
% KL toàn thị trường	17.80%	21.77%	
Giá trị	163,902	145,265	18,637
% GT toàn thị trường	5.95%	5.28%	

UPCOM

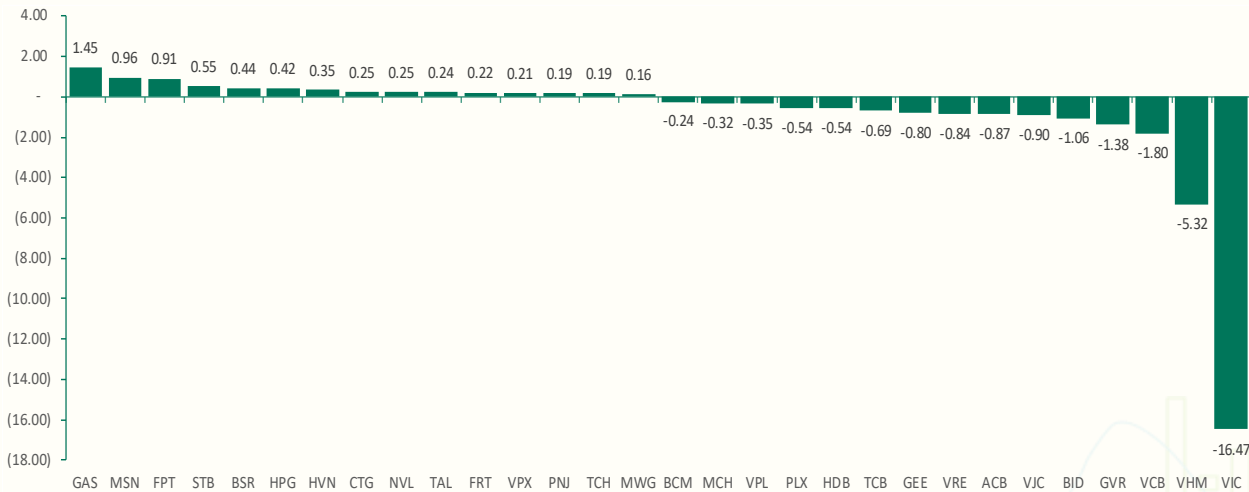
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	651.83	2,012.50	(1,360.67)
% KL toàn thị trường	1.01%	3.11%	
Giá trị	26,602	102,911	(76,310)
% GT toàn thị trường	2.75%	10.64%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	10,028,300	140,500	-10,500 (-6.95%)	60.17	3.37	2,335	1,086,556
2	VCB	12,283,200	69,600	-1,000 (-1.42%)	13.90	2.61	5,008	581,555
3	VHM	15,508,700	104,300	-6,300 (-5.7%)	16.66	1.82	6,259	428,403
4	BID	17,897,800	51,900	-700 (-1.33%)	13.34	2.17	3,890	364,409
5	CTG	15,308,300	38,400	150 (0.39%)	6.19	1.21	6,207	298,251
6	GAS	7,140,900	118,000	2,700 (2.34%)	22.85	4.29	5,163	284,728
7	TCB	11,482,000	34,500	-450 (-1.29%)	9.65	1.36	3,576	244,475
8	VPB	14,212,000	27,750	-50 (-0.18%)	9.18	1.22	3,024	220,166
9	MBB	17,954,900	26,550	50 (0.19%)	6.55	1.61	4,051	213,860
10	HPG	29,982,700	26,700	250 (0.95%)	12.38	1.61	2,157	204,935

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-1.11%	+6.36%	1,575
▼ Tài chính	-0.62%	+7.21%	108
> Tổ chức tín dụng	-0.71%	+6.02%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.24%	+3.34%	66
> Bảo hiểm	-0.17%	+9.60%	13
▶ Bất động sản	-4.83%	-13.47%	130
▼ Công nghiệp	+0.07%	-1.48%	390
> Vận tải	+0.86%	+1.84%	117
> Hàng hóa công nghiệp	-1.38%	-8.56%	221
> Dịch vụ thương mại và chuyển nghiệp	-0.43%	-8.61%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.61%	+0.03%	166
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.57%	+0.00%	183
> Thương mại hàng thiết yếu	+3.38%	-0.16%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.68%	+6.90%	4
▶ Nguyên vật liệu	+0.30%	+13.75%	279
▶ Tiện ích	+0.84%	+25.48%	150
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.87%	+75.01%	41
> Dịch vụ viễn thông	-0.80%	+80.06%	18
> Truyền thông và giải trí	-0.05%	-2.33%	23
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.22%	+0.22%	183
> Thương mại hàng không thiết yếu	+1.00%	+2.59%	64
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.91%	-3.34%	36
▶ Thời trang và hàng tiêu dùng	+0.37%	+1.81%	70
▶ Xe và linh kiện	+0.10%	+0.47%	13
▶ Năng lượng	+0.93%	+36.36%	54
▼ Công nghệ thông tin	+2.11%	+8.12%	16
> Phần mềm và dịch vụ	+2.28%	+8.93%	9
> Phần cứng và thiết bị	-6.18%	-27.42%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.38%	+2.49%	98
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.29%	+2.26%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-1.08%	+5.21%	11

Họ VINCOM tiếp tục nhấn chìm chỉ số

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 27.59 điểm (- 1.51%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phần mềm và dịch vụ, thương mại hàng không thiết yếu, năng lượng, vận tải, tiện ích, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, thời trang và hàng lâu bền, nguyên vật liệu, xe và linh kiện... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, FRT, MWG, PNJ, BSR, PVS, PVT, PVD, ACV, HVN, CII, PHP, VSC, GAS, HDG, MSN, HAG, VHC, MML, HNG, ANV, VGT, TNG, STK, GIL, HPG, KSV, MSR, DGC, DCM, DPM, DDV, CSM...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) FPT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ FPT đã có Break out MA(200) – Tín hiệu kết thúc chu kỳ giảm giá dài hạn;
- ✓ Backlog (giá trị hợp đồng ký mới) của FPT trong tháng 12/2025 ghi nhận mức cao kỷ lục với "cú hích" đạt khoảng 5.500 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) FRT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ FRT đang hình thành sóng tăng giá mới;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) HDG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) cảnh báo tín hiệu đảo chiều;
- ✓ Giá vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge với kháng cự quanh 28;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) HPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Dải băng co hẹp cho giá giá vẫn vận động đi ngang quanh khu vực 26 – 28;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(v) ANV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo kênh giảm giá trung hạn với kháng cự 28 – Một Break out 28 xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn quay trở lại;
- ✓ ANV kết thúc năm 2025 với mức lãi ròng xấp xỉ 1,000 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Bất động sản, hàng hóa công nghiệp, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ viễn thông, tổ chức tín dụng, dịch vụ tài chính...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VIC, VHM, VRE, BCM, SIP, SJS, GEE, GEX, BMP, VCG, VPL, VGI, CTR, VCB, BID, TCB, VPB, ACB, HDB, SHB, EIB, TCX, VIX, VCI, VND ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo mô hình vai đầu vai ở đỉnh với phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá cũng xuống thấp hơn hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Vùng hỗ trợ hiện tại là 88 – 104;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) BID giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BID đã chạm đỉnh sóng 3 và hình thành sóng 4 điều chỉnh với hỗ trợ quanh 40 – 48. NĐT nên ưu tiên chốt lời cổ phiếu chứ không mua ở vùng giá hiện tại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chỉ số đang vận động tiêu cực

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực. Tuy nhiên, độ rộng thị trường hôm nay không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

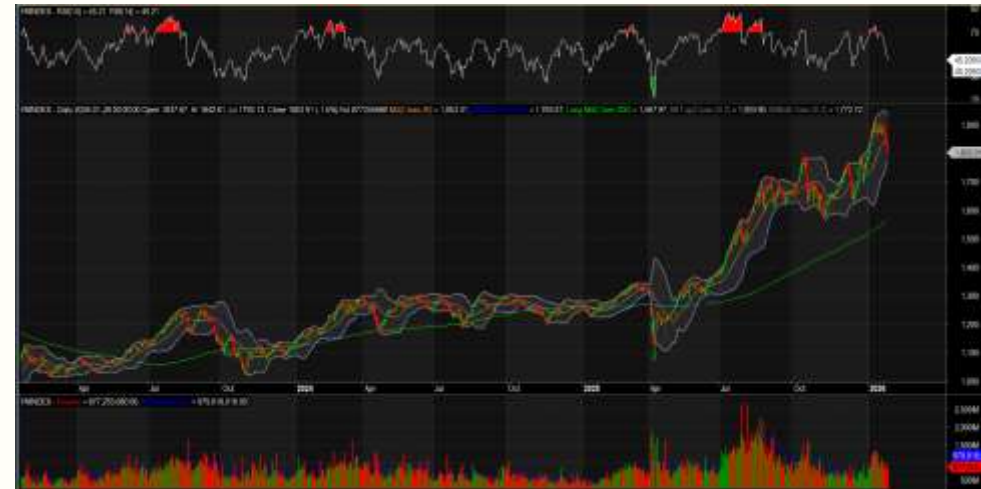
(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,842 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: GAS, FPT, MSN, PVD, PVS, GEX, BSR, FRT, TCX, CII... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VCB, MWG, VNM, ACB, MWG, VHM, BID, VJC, PLX, HPG...Hôm nay, tư doanh, cá nhân trong nước và tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index tiếp tục có phiên điều chỉnh giảm và về mặt kỹ thuật chỉ số khá tiêu cực. Tất nhiên, giống như giai đoạn tăng giá 1,600 – 1,800 điểm trước đây toàn do họ VINCOM đóng góp lớn và điểm số thì giai đoạn hiện tại mức độ giảm điểm cũng tới từ nhóm VINCOM. Cụ thể VIC, VHM, VRE đóng góp 22/27 điểm giảm trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Nhìn đà rơi của VIC và VHM hiện tại, khả năng dừng giảm giá của nhóm này không cao. Với bối cảnh hiện tại, điểm số có thể tiếp tục giảm và hướng về mốc 1,700 điểm. Tuy nhiên, cũng như giai đoạn trước đây, hiện tại giao dịch chỉ số không phải là cách tốt bởi nhìn chỉ số chúng ta sẽ bị lệch pha thị trường nhiều. Điều quan trọng là nhìn vào độ rộng và các cổ phiếu mà NĐT nắm giữ.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 02 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã FPT, GAS...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 54% và 56.67% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1,700- 1,850 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VIC



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	558.37	557.97	558.76	YES	565.03	570.91	577.57	583.45	552.49	545.83	539.95	533.29
HNINDEX	253.1	253.41	252.78	NO	255.89	259.31	262.1	265.52	249.68	246.89	243.47	240.68
UPINDEX	127.58	127.51	127.64	YES	128.02	128.33	128.77	129.08	127.27	126.83	126.52	126.08
VN30	2005.45	2009.61	2001.29	NO	2023.44	2049.74	2067.73	2094.03	1979.15	1961.16	1934.86	1916.87
VNINDEX	1812.88	1817.87	1807.9	NO	1832.64	1862.36	1882.12	1911.84	1783.16	1763.4	1733.68	1713.92
VNXALL	2914.91	2920.36	2909.47	NO	2940.82	2977.61	3003.52	3040.31	2878.12	2852.21	2815.42	2789.51
VN30FIM	2008.9	2011.45	2006.35	NO	2026.9	2050	2068	2091.1	1985.8	1967.8	1944.7	1926.7
VN30FIQ	2011.43	2014.65	2008.22	NO	2026.87	2048.73	2064.17	2086.03	1989.57	1974.13	1952.27	1936.83
VN30F2M	2009	2012.5	2005.5	NO	2024	2046	2061	2083	1987	1972	1950	1935
VN30F2Q	2009.83	2010.75	2008.92	YES	2029.67	2051.33	2071.17	2092.83	1988.17	1968.33	1946.67	1926.83
BCM	66.77	67.15	66.38	NO	67.93	69.87	71.03	72.97	64.83	63.67	61.73	60.57
ACB	24.08	24.17	23.99	NO	24.32	24.73	24.97	25.38	23.67	23.43	23.02	22.78
BID	53.07	53.65	52.48	NO	54.73	57.57	59.23	62.07	50.23	48.57	45.73	44.07
BVH	68.87	68.9	68.83	YES	70.33	71.87	73.33	74.87	67.33	65.87	64.33	62.87
CTG	38.78	38.97	38.59	NO	39.27	40.13	40.62	41.48	37.92	37.43	36.57	36.08
FPT	104.2	104.05	104.35	NO	106.1	107.7	109.6	111.2	102.6	100.7	99.1	97.2
GVR	39.6	40.3	38.9	NO	41	43.8	45.2	48	36.8	35.4	32.6	31.2
GAS	118.6	118.9	118.3	NO	122.2	126.4	130	134.2	114.4	110.8	106.6	103
HDB	28.57	28.6	28.53	NO	28.78	29.07	29.28	29.57	28.28	28.07	27.78	27.57
LPB	42.08	42.13	42.04	YES	42.42	42.83	43.17	43.58	41.67	41.33	40.92	40.58
HPG	26.78	26.83	26.74	NO	27.02	27.33	27.57	27.88	26.47	26.23	25.92	25.68
MBB	26.5	26.48	26.52	YES	26.8	27.05	27.35	27.6	26.25	25.95	25.7	25.4
MSN	78.7	78.3	79.1	NO	80.3	81.1	82.7	83.5	77.9	76.3	75.5	73.9
MWG	85.2	85.05	85.35	NO	86.1	86.7	87.6	88.2	84.6	83.7	83.1	82.2
PLX	60.3	61	59.6	NO	63.4	67.9	71	75.5	55.8	52.7	48.2	45.1
SAB	49.33	49.53	49.14	NO	49.92	50.88	51.47	52.43	48.37	47.78	46.82	46.23
SHB	15.95	15.92	15.98	NO	16.1	16.2	16.35	16.45	15.85	15.7	15.6	15.45
SSB	17.42	17.4	17.43	YES	17.58	17.72	17.88	18.02	17.28	17.12	16.98	16.82
SSI	30.95	30.95	30.95	YES	31.4	31.85	32.3	32.75	30.5	30.05	29.6	29.15
TCB	34.72	34.82	34.61	NO	35.08	35.67	36.03	36.62	34.13	33.77	33.18	32.82
STB	63.57	63.75	63.38	NO	65.23	67.27	68.93	70.97	61.53	59.87	57.83	56.17
TPB	17	17.05	16.95	NO	17.15	17.4	17.55	17.8	16.75	16.6	16.35	16.2
VCB	70.63	71.15	70.12	NO	71.87	74.13	75.37	77.63	68.37	67.13	64.87	63.63
VHM	105.4	105.95	104.85	NO	107.9	111.5	114	117.6	101.8	99.3	95.7	93.2
VIB	17.48	17.5	17.47	YES	17.62	17.78	17.92	18.08	17.32	17.18	17.02	16.88
VJC	172.77	173.4	172.13	NO	178.93	186.37	192.53	199.97	165.33	159.17	151.73	145.57
VIC	145.17	147.5	142.83	NO	149.83	159.17	163.83	173.17	135.83	131.17	121.83	117.17
VPB	27.9	27.97	27.83	NO	28.15	28.55	28.8	29.2	27.5	27.25	26.85	26.6
VNM	68.13	68.35	67.92	NO	69.07	70.43	71.37	72.73	66.77	65.83	64.47	63.53
VRE	29.55	29.77	29.33	NO	30.35	31.6	32.4	33.65	28.3	27.5	26.25	25.45

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
ACB	32,294,900	13,488,460	239	-3.24
PVS	29,430,600	10,597,170	278	6.62
HNG	18,997,600	8,754,420	217	2.99
VIC	10,028,300	4,280,610	234.27	-6.95
LDP	3,418,600	322,700	1,059	9.52
PVB	1,672,600	440,430	380	6.3
FRT	1,500,000	584,090	256.81	3.62
VHE	1,023,700	137,130	747	-8.82
MBG	794,700	343,920	231	-3.13
HHG	680,900	232,650	292.67	0
JVC	579,300	206,440	281	4.31
TD6	561,300	115,390	486	6.76
VRC	517,200	41,460	1,247	6.99
TRC	436,000	130,940	333	-5.8
AMS	365,900	148,360	246.63	-1.3
BKC	311,900	82,140	380	9.68
TV1	307,800	89,820	343	8.7
BKG	245,600	85,860	286	0
TDH	239,900	116,540	206	6.91
SJD	230,800	51,220	450.61	-1.41
HAP	229,800	24,930	922	0.41
DHA	201,200	80,030	251	-0.92
HVX	191,800	18,240	1,052	-3.1
ONE	179,100	19,400	923	9.88
F88	175,400	55,490	316.09	-14.86
FUEVN100	161,200	76,370	211	2.39
MDG	158,800	27,050	587	6.95
BPC	150,000	-	1.#J	0
MHC	149,200	38,440	388	-2.8
CNG	128,000	40,590	315	3.42
VOC	111,800	29,820	375	-4.35
GHC	97,600	13,620	717	0.68
PDB	97,600	11,300	864	-9.75
TXM	78,900	4,070	1,939	0
HLD	71,800	34,910	206	-2.88
HDA	61,300	18,810	326	-3.23
GDT	59,300	10,830	548	-1.01
PLA	53,300	7,300	730	2.17
CDP	51,000	24,520	208	-0.91
TLP	49,400	5,300	932	6.06

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: ACB, PVS...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
28-Jan	FRT	Mua	≤ 162	10% -20%	Sóng tăng giá mới đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 01 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 27/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.098 VND/USD, giảm tiếp 15 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.894 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.302 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.130 VND/USD, tiếp tục giảm mạnh 55 đồng so với phiên 26/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm tới 250 đồng ở chiều mua vào và 260 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.350 VND/USD và 26.390 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 27/01, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,40 – 0,95 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi không thay đổi ở kỳ hạn 1M so với phiên đầu tuần, giao dịch tại: ON 6,00%; 1W 6,30%; 2W 6,70% và 1M 7,40%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W và giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 3,63%; 1W 3,68%; 2W 3,73%, 1M 3,76%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 5Y, chốt phiên với mức: 3Y 3,16%; 5Y 3,62%; 7Y 3,70%; 10Y 4,06%; 15Y 4,19%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên 27/01, NHNN chào thầu 8.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày và 12.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 56 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Tất cả khối lượng này đều trúng thầu. Có 8.222,26 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 11.777,74 tỷ đồng ra thị trường. Có 302.771,27 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

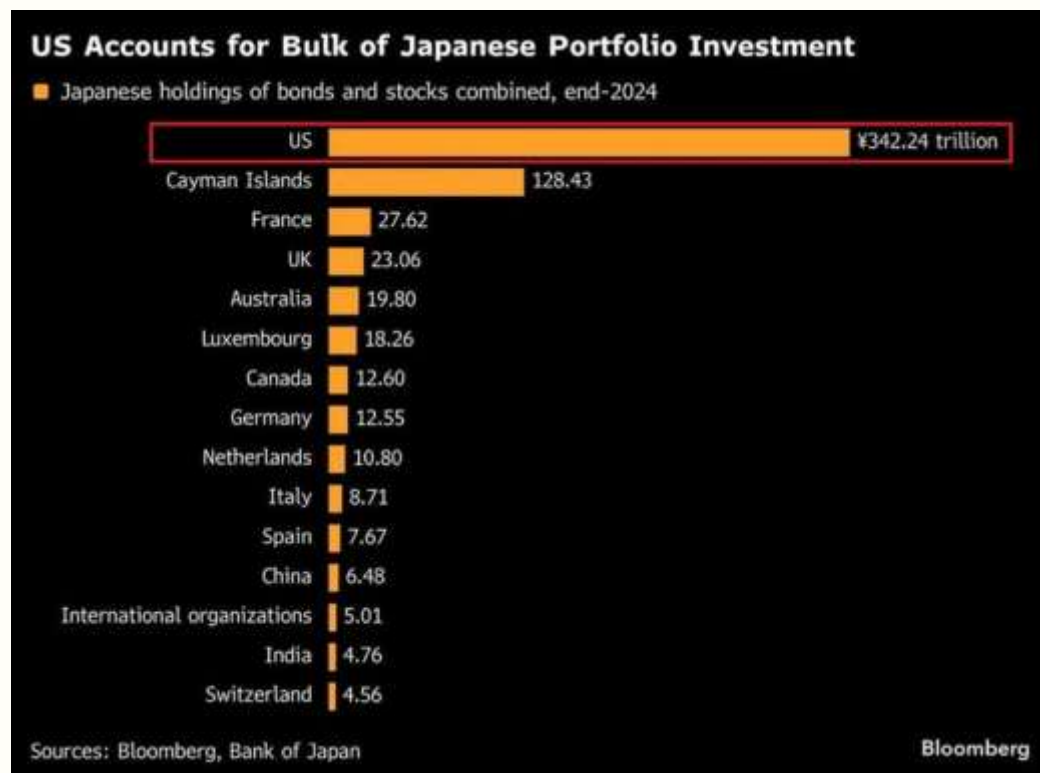
Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Các nhà đầu tư Nhật Bản là một phần quan trọng của thị trường Mỹ

Theo số liệu của Ngân hàng Nhật Bản, tổng lượng trái phiếu và cổ phiếu Mỹ mà các nhà đầu tư Nhật Bản nắm giữ đạt 2,22 nghìn tỷ đô la vào cuối năm 2024. Tiếp theo đó là các khoản đầu tư vào Quần đảo Cayman, Pháp và Anh với tổng giá trị lần lượt là 834 tỷ đô la, 179 tỷ đô la và 150 tỷ đô la. Nói cách khác, tầm ảnh hưởng của Nhật Bản đối với Mỹ lớn gấp ĐÔI so với tổng tầm ảnh hưởng của họ tại 3 quốc gia này cộng lại. Hơn nữa, tổng tài sản nước ngoài do các nhà đầu tư Nhật Bản sở hữu đã tăng lên 4,95 nghìn tỷ đô la trong quý 3 năm 2025, gần mức cao nhất mọi thời đại. Điều này diễn ra trong bối cảnh họ nắm giữ 2,54 nghìn tỷ đô la cổ phần và cổ phiếu quỹ đầu tư, cùng với 2,41 nghìn tỷ đô la nợ. Điều gì sẽ xảy ra nếu những nhà đầu tư này bắt đầu mang tiền về nước?



DX-Y vỡ kênh hỗ trợ 15 năm – Chu kỳ yếu của đồng đô la Mỹ



TTCK MỸ

Thị trường vẫn vận động tích cực

APLD có mô hình cốc tay cầm - Tín hiệu tăng giá



AAPL có đi theo mô hình “nụ hôn thần chết”



XLK có Break out mô hình tam giác – Tín hiệu tích cực



Nasdaq trở lại xu hướng tăng trên đồ thị ngày ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

